

GRADE 3 – WORKSHEET 15

Name:

Class:

Score: /15

1 Find the words. (Tìm các từ dưới đây. Click vào từng chữ cái của từ.)

playground

gym

classroom

library

~~school~~

computer room

0. *school*

1.



2.



3.



4.



5.

2 Match. (Nối câu hỏi với câu trả lời tương ứng.)

- | | |
|------------------------------------|---|
| 0. Is that your classroom? | a. Yes, it is. It's very small. |
| 1. That is my new school. | b. No, it isn't. It's old. |
| 2. Is the school playground small? | c. Yes, it is. It's on the third floor. |
| 3. Is your classroom big? | d. Wow! It's so beautiful. |
| 4. Is the library old? | e. No, it isn't. It's new. |
| 5. Is the computer room new? | f. No, it isn't. It's small. |

- | | | |
|--|----|----|
| 0. c | 1. | 2. |
| 3. | 4. | 5. |

3 Odd one out. (Chọn từ không cùng nhóm với các từ còn lại)

- | | | | |
|-------------|-----------|-----------|----------------|
| 0. A. red | B. blue | C. yellow | D. cold |
| 1. A. snowy | B. rainy | C. cloudy | D. sun |
| 2. A. nose | B. book | C. ruler | D. pencil |
| 3. A. park | B. market | C. nurse | D. school |
| 4. A. dog | B. cat | C. horse | D. rose |
| 5. A. foot | B. mother | C. hand | D. ear |